| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 456/2024/QĐST-HNGĐ | *T, ngày 06 tháng 6 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 316/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu:*

1/ Bà Nguyễn Thị Huyền T – sinh năm 1986; Địa chỉ: Số C T, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*2/* Ông Võ Thành T1 – sinh năm 1987; Địa chỉ: 1.02 Chung cư H, tổ A, khu phố G, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2019, đăng ký ngày 08/8/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre thì bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Võ Thành T1 là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống do vợ chồng không hòa hợp tính tình cùng với việc không có sự thông cảm, chia sẻ, quan tâm lẫn nhau dẫn đến không còn tình cảm. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, khả năng hàn gắn là không có và sự thỏa thuận của hai bên yêu cầu thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Minh N – sinh ngày 26/10/2019 và Võ Ý N1 – sinh ngày 03/12/2021. Hai bên thỏa thuận bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Ông Trung cấp dưỡng nuôi mỗi con 4.000.000 đồng/tháng (Bốn triệu đồng), cả hai con mỗi tháng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Việc cấp dưỡng nuôi con thực hiện từ ngày 1 đến ngày 15 (dương lịch), bắt đầu từ tháng 6 năm 2024 đến khi các con lần lượt thành niên. Nhận thấy, thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận này.

- Về tài sản chung: Hai bên khai nhận không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên không xem xét

- Lệ phí giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà T, ông T1 chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Võ Thành T1 thuận tình ly hôn

1.2/ Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Minh N – sinh ngày 26/10/2019 và Võ Ý N1 – sinh ngày 03/12/2021.

Bà Nguyễn Thị Huyền T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Ông Võ Thành T1 cấp dưỡng mỗi con một tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), cả hai con 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 1 đến ngày 15 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi 02 con chung lần lượt thành niên hoặc cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3/ Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

1.4/ Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Võ Thành T1 nộp được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án hai bên đương sự trên đã nộp theo biên lai thu số: 0001671 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- CCTHADS quận Tân Bình;
- UBND xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

(để ghi vào sổ hộ tịch) theo Giấy chứng nhận kết hôn số x/20x, đăng ký ngày 0x/x/20x;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Mai Thị Bích Thảo**